TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TU** **TỈNH LC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST Ngày 30-9- 2022 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TU TỈNH LC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quàng Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vừ Thị Hoa;

Bà Hoàng Thị Luyến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Văn Sơm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh LC.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TU tham gia phiên tòa: Ông Đào Khánh Thiện - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TU tỉnh LC xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị Tòng Thị T, sinh năm: 1995; Nơi ĐKHKTT: Bản NP, xã PT, huyện TU, tỉnh LC; *(Có mặt).*

2. Bị đơn: Anh Lò Văn H, sinh năm: 1991; Nơi ĐKHKTT: Bản NP, xã PT huyện TU, tỉnh LC; *(Vắng mặt không có lý do chính đáng).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 6 năm 2022 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Tòng Thị T trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tòng Thị T và anh Lò Văn H tự nguyện tìm hiểu, sống chung có đăng ký kết hôn ngày 26/9/2013 tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện TU, tỉnh LC. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại bản bản NP, xã PT, huyện TU, tỉnh LC. Sống chung hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp T tình và bất đồng quan điểm sống, anh Lò Văn H không chịu khó làm ăn, lao động sản xuất mà mắc vào tệ nạn xã hội,

nghiện chất ma túy. Mặc dù đã được chị Tòng Thị T cùng gia đình động viên, nhắc nhở, giúp đỡ anh H cai nghiện nH không thành dẫn đến mâu thuẫn gia đình trở nên trầm trọng. Từ năm 2016 đến nay, chị Tòng Thị T và anh Lò Văn H không còn sống chung, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải nhiều lần nH không thành. Chị Tòng Thị T xác định, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lò Văn H.

Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị Tòng Thị T và anh Lò Văn H có một con chung chưa thành niên là cháu Lò KD, sinh ngày 13/3/2014. Trong thời gian chị Tòng Thị T và anh Lò Văn H ly thân thì cháu Lò KD ở cùng với chị T. Ly hôn, chị Tòng Thị T có yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Lò KD cho đến khi cháu Duy thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Tòng Thị T không yêu cầu anh Lò Văn H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung*:* Chị Tòng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, kèm theo đơn khởi kiện chị Tòng Thị T đã nộp cho Tòa án: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn số 120/2013, quyển số 01 ngày 26/9/2013; bản sao có chứng thực giấy khai sinh số 17/2014 ngày 16/4/2014 của Ủy ban nhân dân xã PT, huyện TU cấp. Việc giao nộp tài liệu chứng cứ đúng thời gian và đúng trình tự, thủ tục.

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện TU đã thụ lý vụ án và xác minh tại nơi cư trú và đại diện hai bên gia đình chị Tòng Thị T, anh Lò Văn H xác định: Anh Lò Văn H và chị Tòng Thị T sống chung có đăng ký kết hôn năm 2013, hiện có hộ khẩu thường trú tại bản NP, xã PT, huyện TU, tỉnh LC và sống chung cùng với gia đình ông Lò Văn Nọi – bố đẻ anh Lò Văn H. Anh chị đều là lao động tự do với mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại ở địa phương là 3.250.000 đồng/tháng/người. Quá trình chung sống anh H, chị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh Lò Văn H nghiện chất ma tuý, thường xuyên tụ tập cùng các đối tượng nghiện, không chịu khó làm ăn, lao động sản xuất mà đi lang thang, thuộc diện theo dõi của chính quyền địa phương. Mặc dù đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải cho chị T, anh H đoàn tụ nH không thành. Anh Lò Văn H vẫn có mặt ở địa phương tại thời điểm giải quyết vụ án nH không có mặt tại nơi cư trú khi Toà án thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng. Do đó, Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập

biên bản về việc không tiến hành hoà giải được, đồng thời thông báo, niêm yết kết quả phiên họp theo quy định và đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà, chị Tòng Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Lò Văn H. Anh Lò Văn H đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nH vắng mặt không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TU tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Về phía các đương sự: Nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa chấp hành các giấy triệu tập, thông báo của của Tòa án, gây khó khăn trong việc tống đạt các văn bản tố tụng nH đã được đảm bảo các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51; 53; 56; 57; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và đình năm 2014; Các Điều 5; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Tòng Thị T ly hôn với anh Lò Văn H.

Về con chung: Giao cho chị Tòng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Lò KD, sinh ngày 13/3/2014 cho đến khi cháu Duy thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động. Do chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Lò Văn H có hộ khẩu thường trú tại bản NP, xã PT, huyện Than Uyên, tỉnh LC. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh LC.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho các đương sự theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, qua xác minh, anh Lò Văn H là đối tượng nghiện ma túy, thường xuyên vắng mặt ở nơi cư trú không rõ thời điểm trở về nên không thể cấp, tống đạt, thông báo trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh Lò Văn H. Tại thời điểm tống đạt các văn bản tố tụng anh Lò Văn H vẫn có hộ khẩu thường trú tại bản NP, xã PT, huyện TU, tỉnh LC nên căn cứ khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện TU tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ngày 15/9/2022, Toà án nhân dân huyện TU mở phiên toà lần thứ nhất, anh Lò Văn H đã được triệu tập hợp lệ nH vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà. Ngày 30/9/2022, Tòa án mở lại phiên tòa, anh Lò Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nH vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là anh Lò Văn H.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện TU, tỉnh LC và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định: Chị Tòng Thị T và anh Lò Văn H sống chung có đăng ký kết hôn vào ngày 26/9/2013 tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện TU, tỉnh LC trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp.

Chị Tòng Thị T và anh Lò Văn H sống chung hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp T tình, bất đồng quan điểm sống. Anh Lò Văn H nghiện chất ma tuý, thường xuyên tụ tập cùng các đối tượng nghiện, không chịu khó làm ăn, lao động sản xuất mà đi lang thang, thuộc

diện theo dõi của chính quyền địa phương. Chị Tòng Thị T và gia đình đã động viên anh Lò Văn H cai nghiện nH anh H không đồng ý. Từ năm 2016 đến nay chị T và anh H đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải nhiều lần nH không thành. Tòa án nhân dân huyện TU đã tiến hành hòa giải để anh chị đoàn tụ nH anh H không chấp hành các thông báo, giấy triệu tập của Tòa án.

Hội đồng xét xử nhận định, mâu thuẫn vợ chồng chị Tòng Thị T, anh Lò Văn H đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt không thể hàn gắn. Các bên đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng như không còn yêu thương nhau, không còn sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình và hiện nay anh chị đã ly thân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của chị Tòng Thị T là có căn cứ phù hợp với các quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận, xử cho chị Tòng Thị T được ly hôn với anh Lò Văn H.

[3.2] Về nuôi con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 17/2014 ngày 16/4/2014 của Ủy ban nhân dân xã PT, huyện TU cấp xác định, trong thời kỳ hôn nhân, chị Tòng Thị T và anh Lò Văn H có một con chung chưa thành niên là cháu Lò KD, sinh ngày 13/3/2014. Từ năm 2016 đến nay, cháu Duy sống cùng với chị T.

Xét về điều kiện nuôi con, Anh Lò Văn H và chị Tòng Thị T đều có Hộ khẩu thường trú tại bản NP, xã PT, huyện TU, tỉnh LC do ông Lò Văn Nọi là chủ hộ, cả hai đều không có nhà riêng; anh chị có nghề nghiệp là trồng trọt, ngoài ra đi làm thuê, mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại tại xã PT, huyện TU khoảng 3.250.000 đồng/tháng/người. Qua xác minh, anh Lò Văn H là đối tượng nghiện ma túy, thường xuyên không có mặt tại nơi cư trú nên không có đủ các điều kiện để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con. Về phía chị Tòng Thị T, trong thời gian từ năm 2016 đến nay cháu Duy sống cùng chị T được đảm bảo các điều kiện sinh hoạt, học tập đầy đủ.

Tại thời điểm giải quyết vụ án xác định cháu Lò KD đã 08 tuổi, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện TU tiến hành hỏi ý kiến cháu Lò KD. Ý kiến cháu Duy muốn ở cùng với mẹ là chị Tòng Thị T.

Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Lò KD hiện đang ở độ tuổi rất cần sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng của cha mẹ để đảm bảo phát triển về thể chất, tinh thần và nhân cách. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con và ý kiến của con chung chưa thành niên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của

chị Tòng Thị T, giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Lò KD, sinh ngày 13/3/2014 từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Duy thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Tòng Thị T không yêu cầu anh Lò Văn H cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài chung và nợ chung, cho vay chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TU về giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Tòng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Các Điều 143, 147, 227, 266, 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81 82, 83 Luật Hôn nhân và đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tòng Thị T, xử cho chị Tòng Thị T ly hôn với anh Lò Văn H.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Tòng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Lò KD, sinh ngày 13/3/2014 từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Duy thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động.

Anh Lò Văn H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị Tòng Thị T theo Quyết định của Tòa án. Chị T có quyền yêu cầu anh H cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Anh Lò Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Tòng Thị T không yêu cầu anh Lò Văn H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tòng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* . Xác nhận chị Tòng Thị T đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2021/0000904 ngày 15/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TU, tỉnh LC nay chuyển thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện Than Uyên;
- Chi cục THA dân sự huyện TU;
- Các đương sự;
- UBND xã PT, huyện TU;
- Công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Quàng Thị Phương